

Bản án số: 106 /2020/ DS-ST  
Ngày: 12-8-2020  
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **LÊ THỊ CẨM N**, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **TRẦN THỊ B( TRẦN B)**, sinh năm 1953. ( vắng mặt)

Ông **HUỲNH VĂN K**, sinh năm 1955.( có mặt)

Địa chỉ: tổ 8, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm N tại đơn khởi kiện trình bày:

Bà và vợ chồng ông K và bà B là hàng xóm với nhau. Bà có tổ chức mở hụi góp vốn xoay vòng tại địa phương. Vợ chồng ông K, bà B tham gia chơi 19 dây hụi cụ thể như sau:

+ **Dây 1:** Hụi tuần khai ngày 18/6/2018 âm lịch, hụi 300.000đồng, gồm 80 phần, bà B tham gia 02 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 25/3/2019 âm lịch – kỳ 40 với số tiền 20.900.000đồng. Hốt lần 2 ngày 25/5/2019 âm lịch- kỳ 48 với

số tiền 21.684.000đồng, còn nợ 20 kỳ hụi chết x 02 phần là 12.000.000đồng. Dây hụi đã mãn.

+ **Dây 2:** Hụi tuần khai ngày 19/11/2018 âm lịch, hụi 300.000đồng, gồm 70 phần, bà B tham gia 02 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 19/11/2018 âm lịch – kỳ 01 với số tiền 15.870.000đồng. Hốt lần 2 ngày 17/12/2018 âm lịch- kỳ 05 với số tiền 16.150.000đồng, còn nợ 31 kỳ hụi chết x 02 phần là **18.600.000đồng**. Dây hụi đã mãn.

+ **Dây 3:** Hụi tuần khai ngày 12/02/2018 âm lịch, hụi 300.000đồng, gồm 82 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 07/5/2018 âm lịch – kỳ 13 với số tiền 20.643.000đồng, còn nợ 04 kỳ hụi chết x 01 phần là **1.200.000đồng**. Dây hụi đã mãn.

+ **Dây 4:** Hụi tuần khai ngày 27/7/2018 âm lịch, hụi 300.000đồng, gồm 70 phần, bà B tham gia 02 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 03/9/2018 âm lịch – kỳ 06 với số tiền 16.220.000đồng. Hốt lần 2 ngày 23/02/2019 âm lịch- kỳ 30 với số tiền 18.100.000đồng, còn nợ 16 kỳ hụi chết x 02 phần là **9.600.000đồng**. Dây hụi đã mãn.

+ **Dây 5:** Hụi tuần khai ngày 26/11/2019 âm lịch, hụi 300.000đồng, gồm 70 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 25/6/2019 âm lịch – kỳ 22 với số tiền 17.340.000đồng, còn nợ 41 kỳ hụi chết x 01 phần là **12.300.000đồng**. Dây hụi mãn vào ngày 07/5/2020 âm lịch.

+ **Dây 6:** Hụi tuần khai ngày 16/7/2018 âm lịch, hụi 300.000đồng, gồm 80 phần, bà B tham gia 02 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 07/8/2018 âm lịch – kỳ 04 với số tiền 18.380.000đồng. Hốt lần 2 ngày 28/8/2018 âm lịch- kỳ 07 với số tiền 21.684.000đồng, còn nợ 24 kỳ hụi chết x 02 phần là **14.400.000đồng**. Dây hụi đã mãn.

+ **Dây 7:** Hụi tháng khai ngày 25/4/2019 âm lịch, hụi 2.000.000đồng, gồm 25 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 25/7/2019 âm lịch – kỳ 04 với số tiền 34.980.000đồng, còn nợ 21 kỳ hụi chết x 01 phần là **42.000.000đồng**. Dây hụi mãn ngày 25/3/2021 âm lịch.

+ **Dây 8:** Hụi tháng khai ngày 25/8/2019 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 17 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 25/10/2018 âm lịch – kỳ 04 với số tiền 39.810.000đồng, còn nợ 04 kỳ hụi chết x 01 phần là 12.000.000đồng. Dây hụi đã mãn.

+ **Dây 9:** Hụi tháng khai ngày 20/10/2018 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, gồm 29 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 20/4/2019 âm lịch – kỳ 7, còn nợ 19 kỳ hụi chết x 01 phần là **19.000.000đồng**. Dây hụi mãn ngày 20/01/2021 âm lịch.

+ **Dây 10:** Hụi tháng khui ngày 06/06/2018 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, gồm 28 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 06/7/2018 âm lịch – kỳ 02 với số tiền 19.980.000đồng, còn nợ 13 kỳ hụi chết x 01 phần là **13.000.000đồng**. Dây hụi mẫn ngày 20/8/2020 âm lịch.

+ **Dây 11:** Hụi tháng khui ngày 15/02/2018 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, gồm 33 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 15/01/2019 âm lịch – kỳ 12 với số tiền 25.700.000đồng, còn nợ 14 kỳ hụi chết x 01 phần là **14.000.000đồng**. Dây hụi mẫn ngày 15/9/2020 âm lịch.

+ **Dây 12:** Hụi mùa khui ngày 20/6/2017 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 17 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 20/10/2017 âm lịch – kỳ 02 với số tiền 51.500.000đồng, còn nợ 08 kỳ hụi chết x 01 phần là **40.000.000đồng**. Dây hụi mẫn ngày 20/7/2021 âm lịch.

+ **Dây 13:** Hụi mùa khui ngày 15/4/2019 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 16 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 10/7/2018 âm lịch – kỳ 04 với số tiền 50.500.000đồng, còn nợ 10 kỳ hụi chết x 01 phần là **50.000.000đồng**. Dây hụi mẫn ngày 15/01/2022 âm lịch.

+ **Dây 14:** Hụi mùa khui ngày 15/01/2019 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 16 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 15/01/2019 âm lịch – kỳ 01 với số tiền 47.250.000đồng, còn nợ 13 kỳ hụi chết x 01 phần là **65.000.000đồng**. Dây hụi mẫn ngày 15/10/2022 âm lịch.

+ **Dây 15:** Hụi mùa khui ngày 10/7/2016 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 16 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 10/4/2017 âm lịch – kỳ 04 với số tiền 33.600.000đồng, còn nợ 03 kỳ hụi chết x 01 phần là **9.000.000đồng**. Dây hụi đã mẫn.

+ **Dây 16:** Hụi mùa ngày 15/10/2016 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 16 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 15/7/2017 âm lịch – kỳ 04 với số tiền 33.240.000đồng, còn nợ 04 kỳ hụi chết x 01 phần là **12.000.000đồng**. Dây hụi mẫn ngày 15/7/2020 âm lịch.

+ **Dây 17:** Hụi mùa khui ngày 20/4/2017 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 16 phần, bà B tham gia 02 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 20/7/2018 âm lịch – kỳ 02 với số tiền 33.450.000đồng. Hốt lần 2 ngày 20/7/2018 âm lịch- kỳ 05 với số tiền 35.700.000đồng, còn nợ 06 kỳ hụi chết x 02 phần là **36.000.000đồng**. Dây hụi mẫn ngày 20/01/2021 âm lịch.

+ **Dây 18:** Hụi mùa 03 tháng khui ngày 10/01/2018 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 16 phần, bà B tham gia 02 phần ghi tên là dì Năm K. Hốt ngày 10/4/2018 âm lịch – kỳ 02 với số tiền 31.420.000đồng. Hốt lần 2 ngày

10/4/2019 âm lịch- kỳ 6, số tiền 35.300.000đồng còn nợ 09 kỳ hụi chết x 02 phần là 54.000.000đồng. Dây hụi mãi ngày 10/10/2021 âm lịch.

+ **Dây 19:** Hụi mùa 03 tháng khui ngày 09/01/2017 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, gồm 13 phần, bà B tham gia 01 phần ghi tên là di Năm K. Hốt hụi ngày 09/01/2018 âm lịch – kỳ 05 với số tiền 44.800.000đồng, còn nợ 02 kỳ hụi chết x 01 phần là 10.000.000đồng. Dây hụi đã mãi.

**Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/01/2020 Bà N trình bày:** Theo đó bà kiện ông K, bà B thêm 01 dây hụi mùa, 5.000.000đồng, khui ngày 20/7/2018 âm lịch, gồm 16 phần, bà B vô 01 phần, hốt hụi ngày 20/10/2018 âm lịch được 49.520.000đồng đóng hụi chết đến ngày 20/7/2019 âm lịch, còn nợ 11 kỳ với số tiền 55.000.000đồng. Dây hụi mãi ngày 20/4/2022 âm lịch.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2020 bà N xác định vợ chồng ông K, bà B còn nợ bà 20 dây hụi các loại với số tiền là 499.100.000đồng. Ngày 20/9/2019 dương lịch tại nhà bà B và ông K, bà và bà B tiến hành tổng kết hụi thì bà B còn nợ 433.640.000đồng. Bà có yêu cầu bà B viết biên nhận nhưng do bà không viết rành nên nội dung biên nhận bà viết còn bà B ký tên. Sau đó bà về kiểm tra thì phát hiện thiếu 01 dây hụi mùa 5.000.000đồng khui ngày 20/7/2018 với số tiền 55.000.000đồng chưa cộng, đồng thời số tiền cộng trong biên nhận cũng sai. Bà yêu cầu bà B, ông K trả 499.100.000đồng, trong đó hụi đã choàng thay đến thời điểm xét xử là 262.100.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và 237.000.000đồng tiền hụi chưa tới hạn thì trả theo kỳ hụi cho đến khi mãi hụi. Việc chơi hụi do bà B trực tiếp chơi nhưng phía ông K cũng biết. Khi giao hụi đôi khi có mặt ông K, đôi khi ông K cũng đóng hụi cho bà.

Tại phiên tòa, bà K yêu cầu bà B, ông K trả 499.100.000đồng. trong đó hụi đã choàng thay đến thời điểm xét xử là 262.100.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và 237.000.000đồng tiền hụi chưa tới hạn thì trả theo kỳ hụi cho đến khi mãi hụi.

**- Bị đơn ông Huỳnh Văn K tại biên bản ghi lời khai trình bày:**

Ông và bà B là vợ chồng cưới nhau từ trước năm 1987. Việc bà B tham gia chơi hụi do bà N tổ chức ông có biết. Ông có nghe bà B nói có nợ bà N khoảng 400.000.000đồng. Việc chơi hụi do bà B chơi, tiền hốt hụi cũng do bà B chi xài, kinh tế gia đình do bà B quyết định. Ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Hiện nay bà B đã bỏ nhà đi, ông không biết đi đâu và không liên lạc được. Chữ ký và chữ viết Trần B trong biên nhận hụi ngày 20/9/2019 là của bà B viết.

**Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2020 và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn K trình bày:** Ông chỉ biết bà B chơi hụi do bà N tổ chức còn cách thức chơi ông không rõ. Đôi khi bà N giao hụi ông có chứng kiến. Tiền bạc trong gia đình do bà B giữ, chi xài, ông không quan tâm. Ngày bà N đến nhà tổng kết hụi có mặt ông nhưng ông không tham gia. Chữ ký trong biên nhận nợ là của bà B ký. Sau

khi tổng kết hội xong mấy ngày thì bà B bỏ đi không liên lạc được. Ông đồng ý trả bà N 499.100.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng.

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật. Đối với đương sự bị đơn bà Trần Thị B chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 471 Bộ luật dân sự, nghị định 144/2006/ NĐ-CP chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông K, bà B phải liên đới trả 262.100.000đồng tiền hội chết mà nguyên đơn đã choàng thay. Đối với số tiền 237.000.000đồng tiền hội chết chưa đến hạn thì trả theo kỳ khai hội cho đến khi mãn hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Trần Thị B( Trần B) dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà. Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm N tại phiên tòa chỉ yêu cầu ông K, bà B trả cho bà 499.100.000đồng tiền hội . Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, tuy việc tổ chức chơi hội và tham gia của hội viên không thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nhưng bà N cũng có lập sổ sách theo dõi hội và các hội viên cũng xác định bà B có tham gia chơi hội của bà N với tên ghi trong danh sách hội là Di Năm K và hiện còn nợ hội bà N phải choàng thay. Đồng thời ngày 20/9/2019 bà B cũng ký biên nhận nợ hội với bà N. Đối với bà B từ khi Tòa án thụ lý đến nay dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày. Đây là bà tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thì bà tự gánh chịu. Còn đối với ông K là chồng bà B tuy không trực tiếp tham gia chơi hội nhưng ông cũng thừa nhận ông có biết việc bà B tham gia chơi hội do bà N tổ chức, ông cũng có vài lần đóng tiền hội và khi bà B và bà N cộng hội ông cũng biết nhưng không có tham gia. Ông cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận hội do bà B viết. Ông cũng đồng ý trả nợ cho bà N nhưng hiện giờ kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng. Từ đó cho thấy thực tế bà B có tham gia chơi hội do bà N tổ chức với số lượng là 20 dây hội các loại. Tuy nhiên sau khi hết hội xong bà đã không thực hiện việc góp hội chết đầy đủ cho chủ thảo, dẫn đến bà N phải choàng thay và tiếp tục choàng cho đến khi mãn hội. Đối với ông K tuy không

trực tiếp tham gia chơi hụi nhưng cũng biết và số tiền hốt hụi cũng nhằm phục vụ đời sống chung vợ chồng nên việc bà N yêu cầu cả bà B và ông K cùng có trách nhiệm trả bà 499.100.000đồng tiền hụi là có cơ sở. Việc ông K xin trả dần không được bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Theo đó trong 499.100.000đồng nợ hụi có 262.100.000 đồng bà N đã choàng thay nên vợ chồng ông K, bà B phải có trách nhiệm trả lại 01 lần cho bà N. Còn 237.000.000đồng chưa đến hạn của các dây hụi chưa mãn thì ông bà phải trả khi đến kỳ khai hụi cho đến khi các dây hụi mãn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên ông K, bà B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuy nhiên ông K có đơn xin miễn tiền án phí với lý do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và hiện ông đã cao tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét miễn phần án phí ông phải chịu cùng bà B.

Đối với bà N được hoàn lại phần tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm N.

1.1. Buộc bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K trả cho bà Lê Thị Cẩm N số tiền hụi chết đã choàng thay tính đến thời điểm xét xử là 262.100.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N số tiền hụi chết chưa đến kỳ khai hụi là 237.000.000đồng khi đến kỳ khai hụi cho đến khi dây hụi mãn cụ thể như sau:

- Dây hụi tháng khai ngày 25/4/2019 âm lịch, hụi 2.000.000đồng, 25 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 09 kỳ hụi chết, số tiền 18.000.000đồng.

- Dây hụi tháng khai ngày 20/10/2018 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, 29 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 07 kỳ hụi chết, số tiền 7.000.000đồng.

- Dây hụi tháng khai ngày 06/6/2018 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, 28 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 02 kỳ hụi chết, số tiền 2.000.000đồng.

- Dây hụi tháng khui ngày 15/02/2018 âm lịch, hụi 1.000.000đồng, 33 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 03 kỳ hụi chết, số tiền 3.000.000đồng.

- Dây hụi mùa khui ngày 20/6/2017 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, 17 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 05 kỳ hụi chết, số tiền 25.000.000đồng.

- Dây hụi mùa khui ngày 15/4/2018 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, 16 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 07 kỳ hụi chết, số tiền 35.000.000đồng.

- Dây hụi mùa khui ngày 20/7/2018 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, 16 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 08 kỳ hụi chết, số tiền 40.000.000đồng.

- Dây hụi mùa khui ngày 15/01/2019 âm lịch, hụi 5.000.000đồng, 16 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 10 kỳ hụi chết, số tiền 50.000.000đồng.

- Dây hụi mùa khui ngày 15/10/2016 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, 16 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 01 kỳ hụi chết, số tiền 3.000.000đồng.

- Dây hụi mùa khui ngày 20/4/2017 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, 16 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 03 kỳ hụi chết, số tiền 18.000.000đồng( 02 phần).

- Dây hụi mùa khui ngày 10/01/2018 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, 16 phần. Bà Trần Thị B( Trần B), ông Huỳnh Văn K phải tiếp tục trả cho bà Lê Thị Cẩm N 06 kỳ hụi chết, số tiền 36.000.000đồng( 02 phần).

## 2. Về án phí:

2.1. Bà Trần Thị B( Trần B) phải chịu 11.982.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm( đã xét miễn phần án phí của ông K) .

2.2. Hoàn lại bà Lê Thị Cẩm N 12.355.000đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0002658 ngày 03/12/2019 và biên lai thu số 0003140 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

## 3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông K, bà B chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà B thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án tuyên công khai lúc 14 giờ, ngày 12 tháng 8 năm 2020 có mặt bà N, ông K, vắng mặt bà B.

***Nơi nhận:***

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**TRẦN TÚ ANH**



